

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 19-6-2017

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Hoa**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Đồng Phúc Tuấn**

2. Ông **Hà Quang Huy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Đỗi** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017, về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2017/HNGĐ - ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2017/QĐ-PT, ngày 07 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nông Thị T**; sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú: thôn N2, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. Bị đơn: anh **Nông Văn H**; sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3. Người kháng cáo: anh **Nông Văn H**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn H kết hôn có đăng ký ngày 23 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Giấy đăng ký số 25), trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu. Khi con được 06 (Sáu) tháng tuổi vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do anh H không quan tâm đến gia đình, thường xuyên xúc phạm chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sống từ tháng 02 năm 2016 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H có một con chung là Nông Thái H, sinh ngày 21/4/2010. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Hoà phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn anh Nông Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian và thủ tục kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013, khi chị T đi làm công nhân xa nhà thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến nay chị T yêu cầu được ly hôn thì anh H cũng đồng ý.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có một con chung là Nông Thái H, sinh ngày 21/4/2010. Hiện nay con đang ở với anh và anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H nhất trí với lời trình bày của chị T

Bản án số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn áp dụng Điều 55, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 quy định về án phí Tòa án

Quyết định:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị T và anh Nông Văn H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Nông Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Thái H, sinh ngày 21/4/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu H đang sống

cùng anh H, do đó buộc anh H phải có nghĩa vụ giao con chung là Nông Thái H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017 anh Nông Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn anh Nông Văn H có ý kiến: giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) một tháng. Vì anh vẫn có đủ điều kiện nuôi con và con muốn ở với anh.

Nguyên đơn chị Nông Thị T có ý kiến: không đồng ý với kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh H. Vì, anh H hay uống rượu không chú tâm làm ăn, nuôi con. Từ khi đón cháu H về (tháng 8/2016) thường xuyên đề cháu H cho ông bà nội cháu nuôi mà ông nội cũng hay uống rượu, bà nội mới bị tai biến đi lại khó khăn, do vậy, sức khoẻ của cháu H giảm sút.

Kiểm sát viên có ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: căn cứ tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên toà thấy chị T có điều kiện tốt hơn trong việc nuôi con, cấp sơ thẩm giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ xác định anh H có điều kiện nuôi con tốt hơn, do vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xét xử sơ thẩm, phần quan hệ hôn nhân, phần tài sản và vay nợ chung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị.

Xét kháng cáo của anh Nông Văn H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Thái H, sinh ngày 21/4/2010, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Nông Thị T và anh Nông Văn H đều có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là hoàn toàn chính đáng. Chị T và anh H đều không có việc làm có thu nhập ổn định. Anh H hiện nay đang ở ngôi nhà đất 02 gian vợ chồng làm và có ruộng để làm, nhưng anh H hay uống rượu không chú tâm làm ăn nên thu nhập không đảm bảo cuộc sống, gia đình anh H

thuộc hộ nghèo của xã. Anh H đón cháu H về nuôi dưỡng một năm vừa qua thì cháu H cũng thường xuyên ở cùng ông bà nội. Bà nội cháu H mới bị tai biến nên sức khoẻ yếu, đi lại khó khăn, còn ông nội cháu H cũng hay uống rượu. Bản thân cháu H sức khoẻ giảm sút so với thời gian ở cùng mẹ và ông bà ngoại cháu, còn học tập của cháu đạt mức hoàn thành và hoàn thành tốt các môn học. Điều này thể hiện qua xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương ngày 14/6/2017, qua xác nhận kết quả học tập, sức khoẻ của cháu H do trường Tiểu học Đ, huyện N cung cấp và bản thân anh H cũng thừa nhận tại phiên toà.

Chị Nông Thị T hiện tại trong thời gian chưa được giao trực tiếp nuôi con có đi lao động ở Bắc Ninh để có tiền tích lũy. Chị T dự định khi được giao trực tiếp nuôi con sẽ về quê mở cửa hàng tạp hoá gần trường học để có điều kiện chăm sóc con. Về chỗ ở, hiện tại chị T ở cùng bố mẹ đẻ tại thôn N2, xã D, huyện N. Tại Biên bản xác minh ngày 14/6/2017 của Tòa án thể hiện bố mẹ đẻ chị T có điều kiện chỗ ở, kinh tế tốt có thể giúp đỡ chị T chăm sóc cháu H. Chị T có trình độ 12/12 và đã tốt nghiệp Trung cấp Y nên đây cũng là điều kiện tốt để chăm sóc con.

Từ các căn cứ nêu trên, xem xét, đánh giá toàn diện thì thấy rằng chị Nông Thị T có điều kiện nuôi con tốt hơn anh Nông Văn H. Tại cấp sơ thẩm cháu H có nguyện vọng ở với mẹ. Án sơ thẩm giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là đã xem xét, đánh giá toàn diện điều kiện nuôi con của cả chị T và anh H, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm cháu H có nguyện vọng được ở với bố, tuy nhiên, xét thấy đây là nguyện vọng nhất thời của cháu H. Để đảm bảo cháu H được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt nhất thì chưa đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh H về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên toà anh H yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh H không được chấp nhận, do vậy, Tòa án không xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh H.

Về án phí: anh Nông Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nông Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Thái H, sinh ngày 21/4/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện này cháu Nông Thái H đang sống cùng anh H, do đó, anh H có nghĩa vụ giao con chung Nông Thái H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Chị Nông Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 06569 ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Anh Nông Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo Biên lai thu số 01034 ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND huyện N, BK;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2b);
- Chi cục THADS huyện N, BK;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã D, N, Bắc Kạn (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

Nguyễn Ngọc Hoa